

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2020
V/v: “L hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 401/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “L hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1995; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh B. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số X, phường C, quận Đ, Thành phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Khánh D**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Trần Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Khánh D qua quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn năm vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh B và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng anh chị L thân

từ tháng 10/2019 cho đến nay. Trong thời gian L thân gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn nhưng không thành, sau đó cả hai không có gặp gỡ để hàn gắn đoàn tụ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin L hôn với anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có một con chung là Nguyễn Trần Trà My, sinh ngày 23/5/2017, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi L hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Khánh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh D cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L, cụ thể: Chị Trần Thị Trúc L được L hôn với anh Nguyễn Văn Khánh D. Về con chung: Chị L được quyền nuôi con chung là Nguyễn Trần Trà My, sinh ngày 23/5/2017, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Văn Khánh D thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*L hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Nguyễn Văn Khánh D có nơi cư trú tại xã An Định, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Anh Nguyễn Văn Khánh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn Khánh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị L cho rằng hôn nhân giữa chị và anh D không hạnh phúc nên yêu cầu được L hôn với anh D. Theo chị L trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa chị và anh D có sự bất đồng về quan điểm sống, anh D không quan tâm vợ con và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2019 đến nay chị L và anh D sống L thân, anh chị không thể đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về hôn nhân giữa anh với chị L và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh D đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị L đối với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh D có một con chung là Nguyễn Trần Trà My, sinh ngày 23/5/2017. Cháu Trà My sống với chị L từ khi chị và anh D L thân cho đến nay, chị L cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Trà My cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị L. Anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Trà My cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là Nguyễn Trần Trà My, sinh ngày 23/5/2017 cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh D về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là người khởi kiện xin L hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L được L hôn với anh Nguyễn Văn Khánh D.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần Trà My, sinh ngày 23/5/2017. Ghi nhận việc chị Trần Thị Trúc L không yêu cầu anh Nguyễn Văn Khánh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Khánh D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn Khánh D lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Trần Thị Trúc L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn Khánh D.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn Khánh D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn Khánh D có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0002946 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B là đủ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b);
- TAND tỉnh B ^(1b);
- VKSND huyện M ^(1b);
- Chi cục THADS huyện M ^(1b);
- UBND xã An Định ^(1b);
- Lưu HS, VP ^{(2b)TC:8b}.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

